

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI LĂNG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ - ST  
Ngày: 28/9/2018  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Tuyết
2. Bà Lê Thị Thu Hòa

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Chân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương-Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng xét xử công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1972  
Địa chỉ: xã T B, huyện T H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt
2. Bị đơn: Anh Trần Q, sinh năm 1968  
Địa chỉ: Thôn TN, xã HL, huyện HL, tỉnh Quảng Trị, có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2018, bản tự khai ngày 28/8/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Trần Q sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 và không đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, quan điểm bất đồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị bỏ về nhà bố mẹ ở xã T B, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh và sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay, hai bên không có trách nhiệm, liên lạc với nhau, tình cảm nay không còn; nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Q.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Trần Tuấn Ph, sinh năm 1991, Trần Tuấn V sinh năm 1993 và Trần Thị Ái V, sinh năm 1994. Hiện nay các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/8/2018, biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2018 và tại phiên tòa anh Trần Q trình bày: anh và chị Nguyễn Thị C quen nhau và sống chung như vợ chồng từ năm 1990 và không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai bên thường xảy ra mâu thuẫn nên chị C bỏ về nhà bố mẹ của chị ở và sinh sống từ năm 2004 cho đến nay, hai bên không có quan hệ gì với nhau nay chị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng đồng ý theo ý kiến trình bày của chị C và không yêu cầu Tòa án hòa giải.

Tại công văn số 17/CV-PTP ngày 12/8/2018 của Phòng Tư pháp huyện H L V/v “Cấp bản sao trích lục hộ tịch giấy đăng ký kết hôn” thì kết quả tra cứu hồ sơ lưu trữ tại UBND huyện (Phòng tư pháp), không tìm thấy có hồ sơ lưu việc ông Trần Q ở xã H L huyện HL, tỉnh Quảng Trị kết hôn với bà Nguyễn Thị C ở xã T B, huyện T H, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại biên bản xác minh ngày 10/9/2018 về tình trạng hôn nhân, UBND xã H L huyện HL, tỉnh Quảng Trị cung cấp thông tin: anh Trần Q và chị Nguyễn Thị C sống chung với nhau như vợ chồng, chưa có đăng ký kết hôn tại UBND xã.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ tại các Điều 28, 35, 97, 177, 195, 196, 203, 208 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng, thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, tiến hành xác minh tại UBND xã H L về việc đăng ký kết hôn giữa chị C và anh Q, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự đến phiên tòa, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Trần Q đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật TTDS.

Về quan hệ tranh chấp ly hôn: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề xuất không

công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trần Q. Về con chung: Có 03 con nhưng đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1}- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án xác định là vụ án “Ly hôn”; Căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

{2}- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, biên bản xác minh, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Trần Q. Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Q đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

{3}-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Q quen biết nhau và nảy sinh tình cảm, không có đăng ký kết hôn và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay. Quá trình chung sống không hạnh phúc vì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị C cương quyết xin được giải quyết ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trần Q.

{4}-Về con chung: Có 03 con là Trần Tuấn Ph, sinh năm 1991, Trần Tuấn V, sinh năm 1993 và Trần Thị Ái V, sinh năm 1994. Hiện nay các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

{5}- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

{6}- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

{7}- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình .

- Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/BTVQH14 quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- **Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trần Q.

- **Về con chung:** Không yêu cầu giải quyết

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm , nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA2014/0006392 ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Trần Q có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QT;
- VKSND H L;
- UBND xã H L;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THA DS H L;
- THA HS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Hoan**

